

Bản án số: **10/2019/HNGĐ-ST.**

Ngày: 29-03-2019.

V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Tịnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kim

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Út Sang – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang:
Không tham gia phiên tòa.

Ngày 29 tháng 03 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2018/TLST-HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2018, về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 65/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 20 tháng 12 năm 2018 và Thông báo mở lại phiên tòa số 01/2019/TB-TAH, ngày 14 tháng 03 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Như Y**, sinh năm 1991; địa chỉ cư trú: Ấp VTL, xã VL, huyện HD, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt)

- Bị đơn: Ông **Lê Văn H**, sinh năm 1984; địa chỉ cư trú: Ấp VT, xã VH, huyện UMT, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Đơn khởi kiện ngày 28/9/2018 và những lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Như Y trình bày:

- Về hôn nhân: Bà Y và ông Lê Văn H quen biết nhau, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, được cha, mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương vào năm 2014, đến ngày 07/3/2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không

hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, ông H không chăm lo làm ăn để xây dựng máy ấm gia đình hạnh phúc mà thường xuyên rượu chè có lần còn bạo lực gia đình. Mặc dù bà Y và gia đình đã khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi nên làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Bà Y và ông H đã ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay. Bà Y yêu cầu ly hôn với ông H.

- Về con chung: Bà Y và ông H chung sống với nhau có một người con chung tên Lê Như M, sinh ngày 06/3/2012, giới tính nữ, hiện đang sống với bà Y. Khi ly hôn bà Y yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Y xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Bị đơn ông Lê Văn H vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án nên không có lời trình bày.

3. Tài liệu chứng cứ do các đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được như sau: Giấy khai sinh con (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản chính); Bản tự khai của bà Y (bản chính); Biên bản xác minh của Tòa án (bản chính);

Từ khi thụ lý đến ngày xét xử sơ thẩm Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Lê Văn H nhưng vẫn vắng mặt tại Tòa án. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Y và ông Lê Văn H quen biết nhau, cả hai tự nguyện đi đến hôn nhân, được cha, mẹ hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn ngày 07/3/2012, tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Lộc, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên hôn nhân giữa bà Y và ông H là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình vợ chồng không hợp, bất đồng quan điểm sống, ông H không chăm lo làm ăn để xây dựng máy ấm gia đình hạnh phúc mà thường xuyên rượu chè có lần còn bạo lực gia đình. Mặc dù bà Y đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông H vẫn không thay đổi làm cho mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà Y và ông H đã ly thân từ tháng 7/2016 cho đến nay. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 thấy yêu cầu ly hôn của bà Y là có cơ sở để chấp nhận.

[2] *Về con chung:* Trong quá trình chung sống và Y và ông H có một người con chung tên Lê Như M, sinh ngày 06/3/2012, giới tính nữ, hiện đang sống với bà Y. Khi ly hôn bà Y yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy hiện nay cháu My đang sống với bà Y được, được chăm sóc giáo dục

phát triển bình thường như những đứa trẻ cùng trang lứa. Mặc khác tại bản tự khai cháu My thể hiện quan điểm sống với mẹ, khi cha và mẹ ly hôn, không yêu cầu ông H cấp dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy cần giao bé My cho bà Y tiếp tục nuôi dưỡng là có cơ sở, phù hợp với quy định của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và nguyện vọng của cháu My. Ông H không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Y không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] *Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm*: Bà Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0004349, ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 271 của BLTTDS năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58, khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTHVQH14, ngày 30.12.2016, quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Xử cho nguyên đơn bà Nguyễn Như Y được ly hôn với bị đơn ông Lê Văn H.

2. Về con chung: Xử giao con chung tên Lê Như M, sinh ngày 06/3/2012, giới tính nữ cho bà Y trực tiếp nuôi dưỡng, ông Lê Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Như Y phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo lai thu số 0004349, ngày 29/10/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự

có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận

- Tòa án ND tỉnh KG;
- VKS ND huyện UMT;
- Chi cục THA huyện UMT;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Văn Tịnh